

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH
KHOA / BỘ MÔN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (MÔN HỌC)

TÊN HỌC PHẦN (Tiếng Việt)

Course Title (English)

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-TĐHYKPNT ngày ... tháng ... năm 2026

của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Mã học phần:	Mã học phần theo Chương trình đào tạo
1.2. Số tín chỉ/ Số tiết (LT/TH/Tự học):	Ví dụ: 3(2,1,5) = 3 tín chỉ (2 LT + 1 TH), 5 tiết tự học có hướng dẫn.
1.3. Học phần:	Bắt buộc ☐ Lựa chọn ☐
1.4. Ngôn ngữ:	Tiếng Việt / tăng cường tiếng Anh/ Tiếng Anh
1.5. Chương trình đào tạo:	Tên Chương trình đào tạo áp dụng đề cương
1.6. Học kỳ dự kiến:	HK ... (năm học thứ ...)
1.7. Điều kiện học phần:	Tiên quyết: ... Học trước: ... Học song hành: ... (kiểm tra Bảng 4 – Mẫu B07)

Giải thích các khái niệm (theo Điều 2 Thông tư 54/2026/TT-BGDĐT

- *Học phần hoặc môn học* (sau đây gọi chung là *học phần*) là đơn vị học tập cấu thành cấu trúc chương trình đào tạo, được thiết kế với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá; có khối lượng học tập xác định và được lượng hóa bằng số lượng tín chỉ.

- *Tín chỉ* là đơn vị dùng để lượng hóa khối lượng học tập của người học, trong đó:

a) Một (01) tín chỉ tương đương từ 45 đến 50 giờ học tập của người học được tính theo đơn vị 60 phút, bao gồm thời gian học trực tiếp, học trực tuyến, thực hành, thí nghiệm, thực tập, tự học có hướng dẫn, các hình thức học tập khác và kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động giảng dạy trực tiếp theo lớp học, một (01) tín chỉ yêu cầu tối thiểu 15 giờ giảng dạy trực tiếp hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, trong đó, một (01) giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp được thực hiện trong thời lượng 50 phút.

2. TÓM TẮT MÔ TẢ HỌC PHẦN

⚙ *Hướng dẫn: Viết 5–8 câu mô tả mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá, nội dung chính và vai trò đóng góp trong việc thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.*

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra học phần — liên kết với PI, PLO và nhóm năng lực (theo Thông tư 54/2026/TT-BGDĐT)

CLO	Nội dung CLO [Động từ Bloom + nội dung PI + điều kiện học phần cụ thể, đo được]	Mức Bloom	PI liên quan	Mức đóng góp PLO	Nhóm năng lực TT54 (nếu có)
CLO 1	Ví dụ: 'Thực hiện được [kỹ năng X] cho [đối tượng Y] đạt [ngưỡng Z] theo [công cụ đo]'	Bloom 1–2 / 3–4 / 4–6	PI x.x/PLO x	I / R / M / M,A	Năng lực số ☐ AI ☐ Ngoại ngữ ☐ Thích ứng/Học tập suốt đời ☐
CLO 2	Ví dụ: 'Thực hiện được [kỹ năng X] cho [đối tượng Y] đạt [ngưỡng Z] theo [công cụ đo]'	Bloom 1–2 / 3–4 / 4–6	PI x.x/PLO x	I / R / M / M,A	Năng lực số ☐ AI ☐ Ngoại ngữ ☐ Thích ứng/ Học tập suốt đời ☐
CLO 3	Ví dụ: 'Thực hiện được [kỹ năng X] cho [đối tượng Y] đạt [ngưỡng Z] theo [công cụ đo]'	Bloom 1–2 / 3–4 / 4–6	PI x.x/PLO x	I / R / M / M,A	Năng lực số ☐ AI ☐ Ngoại ngữ ☐ Thích ứng/ Học tập suốt đời ☐
CLO 4	Ví dụ: 'Thực hiện được [kỹ năng X] cho [đối tượng Y] đạt [ngưỡng Z] theo [công cụ đo]'	Bloom 1–2 / 3–4 / 4–6	PI x.x/PLO x	I / R / M / M,A	Năng lực số ☐ AI ☐ Ngoại ngữ ☐ Thích ứng /Học tập suốt đời ☐

"Nhóm năng lực TT54": Bộ môn tự đánh dấu khi học phần có đóng góp vào 4 nhóm năng lực bắt buộc theo khoản 2 Điều 7 Thông tư 54/2026/TT-BGDĐT (năng lực số, trí tuệ nhân tạo, ngoại ngữ, khả năng thích ứng/học tập suốt đời). Dữ liệu này được Khoa tổng hợp vào Bảng 1B của Mẫu B07 để chứng minh CTĐT đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuẩn đầu ra mới — không bắt buộc với mọi CLO, chỉ đánh dấu khi thực sự liên quan.

I (Introduced – Giới thiệu): Học phần đóng vai trò giới thiệu, cung cấp kiến thức hoặc kỹ năng nền tảng ban đầu cho sinh viên. Tương ứng thang Bloom mức 1–2 (nhận biết, mô tả, liệt kê).

R (Reinforced – củng cố): Học phần giúp sinh viên rèn luyện, củng cố và phát triển thêm kiến thức, kỹ năng đã được giới thiệu. Tương ứng thang Bloom mức 3–4 (giải thích, áp dụng, phân tích).

M (Mastered – Làm chủ/Thành thạo): Học phần yêu cầu sinh viên đạt sự thành thạo, làm chủ hoàn toàn kiến thức/kỹ năng đó. Tương ứng thang Bloom mức 4–6.

M,A (Mastered + Assessed – Làm chủ/Thành thạo + Đánh giá): Sinh viên đạt mức thành thạo và kết quả học tập tại học phần này được dùng làm nguồn dữ liệu chính để đánh giá mức độ đạt PLO của toàn CTĐT. Mỗi học phần chỉ được gán mức M,A cho duy nhất 1 PLO và phải có bài đánh giá cụ thể (có ngưỡng đạt tối thiểu) đi kèm.

4. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

⚙️ Hướng dẫn: Cột 'CLO liên quan' điền mã CLO tương ứng (tra Bảng 1 Mục 3). Số tiết LT + TH + Tự học phải khớp với Mục 1.2. Tên bài và mục con nên ngắn gọn, rõ ràng.

Bài	Nội dung	LT (tiết)	TH (tiết)	Tự học (tiết)	CLO liên quan
1	Tên bài và các mục con (1.1, 1.2, ...)				
2	Tên bài và các mục con (1.1, 1.2, ...)				
3	Tên bài và các mục con (1.1, 1.2, ...)				
n	Tên bài và các mục con (1.1, 1.2, ...)				
TỔNG CỘNG		...	...	...	

5. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

⚙️ *Hướng dẫn: Mỗi hàng = 1 buổi/tuần học. Cột 'Bài đánh giá (A.x.x)' ghi mã tương ứng với Mục 7 — chỉ điền nếu buổi đó có bài tính điểm. Cột '% điểm' để trống nếu buổi không có bài đánh giá.*

Tuần/Buổi – Số tiết	Nội dung (Bài/Mục)	Hoạt động dạy và học (GV tại lớp + SV tại lớp/nhà/LMS)	Tài liệu chính	Bài đánh giá (A.x.x)	% điểm
Tuần 1 – Buổi 1	Bài .../mục ...	GV: [hoạt động dạy]. SV: [đọc trước/làm bài/thực hành/LMS].	Chương .../tr. ...	A.x.x	...%
Tuần 2 – Buổi 2	Bài .../mục ...	GV: [hoạt động dạy]. SV: [đọc trước/làm bài/thực hành/LMS].	Chương .../tr. ...	A.x.x	...%
Tuần n – Buổi n	Bài .../mục ...	GV: [hoạt động dạy]. SV: [đọc trước/làm bài/thực hành/LMS].	Chương .../tr. ...	A.x.x	...%

6. HỌC LIỆU

6.1. Giáo trình học phần:	Tên tác giả. Tên giáo trình. NXB, năm. ISBN.
6.2. Tài liệu tham khảo:	Liệt kê 3–5 tài liệu uy tín, có trong thư viện hoặc truy cập được. Định dạng APA/Vancouver.
6.3. Nguồn trực tuyến:	URL và tên nguồn (PubMed, UpToDate, WHO, Bộ Y tế, Cochrane...). Chỉ liệt kê nguồn có kiểm duyệt khoa học.
6.4. Cam kết học liệu:	Giảng viên/Bộ môn cam kết giáo trình, tài liệu tham khảo nêu tại Mục 6 bảo đảm tính khoa học, cập nhật, tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ; không có nội dung vi phạm pháp luật, xâm hại quốc phòng — an ninh, lợi ích cộng đồng, xuyên tạc chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước hoặc trái văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục (Điều 12 Thông tư 54/2026/TT-BGDĐT).

7. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

⚙️ *Hướng dẫn thiết kế đánh giá — Liên kết với mục 7.3 của biểu mẫu B07/QLĐTĐH:*

- Cột CLO: xác định tại Bảng 1 Mục 3 của biểu mẫu này.
- Cột 'Dữ liệu PLO': chỉ ghi 'PLO x (M,A) — nguồn chính' cho bài đánh giá đo CLO mức M,A; các bài còn lại ghi 'Không lấy dữ liệu PLO trong lần này'.
- Mã bài đánh giá A.x.x: A1.x = quá trình, A2.x = cuối kỳ, dùng xuyên suốt Mục 5, 7 biểu mẫu này.
- Tỷ lệ điểm đánh giá quá trình/giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường đang áp dụng tại thời điểm xây dựng đề cương.

Thành phần đánh giá	Phương pháp và bài đánh giá (Mã A.x.x)	CLO	Tỷ lệ %	Thời điểm/Tuần	Dữ liệu PLO
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần/tham gia lớp		...%	Mỗi buổi	Không lấy dữ liệu PLO trong lần này (mức I/R).
	A1.2. Bài tập cá nhân/nhóm		...%	Tuần ...	
	A1.3. Kiểm tra giữa kỳ (MCQ/tự luận)		...%	Tuần ...	
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Thi lý thuyết (MCQ/tự luận)		...%	Cuối kỳ	PLO ... (M,A) — nguồn dữ liệu chính đánh giá PLO.

					Ngưỡng đạt: $\geq \dots/10$.
	A2.2. Thi thực hành/OSCE/OSPE		...%	Cuối kỳ	PLO ... (M,A) — nguồn dữ liệu chính đánh giá PLO. Ngưỡng đạt: $\geq \dots/10$.
TỔNG CỘNG			100%		

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

Điền các quy định đặc thù của học phần:
• Ngưỡng đậu • Chuyên cần: vắng tối đa ...% tổng số tiết; vắng > ...% TH không được dự thi cuối kỳ. • Nộp bài: trễ trong 24h trừ ...% điểm bài; trễ > 24h tính 0 điểm (nếu có).. • Trang phục/thiết bị thực hành (nếu có). • Chính sách sử dụng AI trong học tập và làm bài. • Quy định về an toàn phòng thí nghiệm/lâm sàng (nếu có).

9. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG

Thông tin	Giảng viên 1	Giảng viên 2
Họ và tên		
Học hàm, học vị		
Chức danh		
Đơn vị		
Email		
Hướng nghiên cứu		
Chữ ký		
TRƯỞNG BỘ MÔN		TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)		(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC**BẢNG THU THẬP DỮ LIỆU ĐO LƯỜNG CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

TÊN HỌC PHẦN:

HỌC KỲ - NĂM HỌC:.....

CLO	Mức đóng góp PLO	Mã bài đánh giá	Ngưỡng đạt tối thiểu
CLO 1	<i>I / R / M / M,A</i>	<i>A.x.x</i>	$\geq \dots\%$
CLO 2	<i>I / R / M / M,A</i>	<i>A.x.x</i>	$\geq \dots\%$
CLO 3	<i>I / R / M / M,A</i>	<i>A.x.x</i>	$\geq \dots\%$
CLO n	<i>I / R / M / M,A</i>	<i>A.x.x</i>	$\geq \dots\%$

Lưu ý quan trọng: Sau mỗi học kỳ, bộ môn tổng hợp điểm của CLO mức M,A (% sinh viên đạt ngưỡng tối thiểu) và nộp báo cáo về Ban đào tạo của Khoa để tính tỷ lệ đạt PLO toàn CTĐT theo Bảng 2 – Phụ lục 1 Mẫu B07. Dữ liệu này là đầu vào để cải tiến chương trình đào tạo.

Ngày.....tháng.....năm..... TRƯỞNG BỘ MÔN (ký và ghi rõ họ tên)	Ngày.....tháng.....năm..... TRƯỞNG KHOA (ký và ghi rõ họ tên)
--	---